UBND TỈNH NGHỆ AN **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 101 /SYT-NVY	*Nghệ An, ngày 10 tháng 01 năm 2026*

V/v hướng dẫn đăng ký KCB ban đầu, chuyển người bệnh giữa các cơ sở KCB BHYT và ký hợp đồng KCB BHYT tại các trạm y tế xã, phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Kính gửi: Các cơ sở khám chữa bệnh BHYT trên, địa bàn tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ Y tế quy định việc chuyển tuyến giữa các cơ sở KCB (Thông tư số 14/2014/TT-BYT);

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (Thông tư số 01/2025/TT-BYT);

Căn cứ Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định về việc giao các Bệnh viện, Trung tâm Y tế thuộc Sở Y tế Nghệ An đại diện ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội cho các trạm y tế xã, phường thuộc địa bàn quản lý (Quyết định số 4388/QĐ-UBND).

Sau khi có ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An tại Công văn số 25/BHXH-CĐBHYT ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc góp ý dự thảo hướng dẫn đăng ký KCB ban đầu, chuyển người bệnh giữa các cơ sở KCB BHYT và ký hợp đồng KCB BHYT tại các trạm y tế xã, phường trên địa bàn tỉnh, Sở Y tế hướng dẫn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu, chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các trạm y tế xã, phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An, như sau:

I. CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ VÀ ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ BAN ĐẦU

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu *(Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 4 kèm theo)*

1.1. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu: **480 đơn vị.**

1.2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản: **41 đơn vị**.

1.3. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu**: 01 đơn vị**.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu

2.1. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản: **14 đơn vị.**

2.2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu: **01 đơn vị.**

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

3. Quy định đối tượng và dự kiến số lượng thẻ bảo hiểm y tế đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)

II. QUY ĐỊNH CHUYỂN NGƯỜI BỆNH GIỮA CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ

1. Nguyên tắc chung

Người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BYT và Thông tư số 01/2025/TT- BYT của Bộ Y tế.

2. Một số quy định cụ thể

2.1. Chuyển người bệnh từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu *(Trạm y tế, Phòng khám đa khoa khu vực, Phòng khám đa khoa)* đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản và cấp chuyên sâu *(đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh)* trong một số trường hợp sau:

- Chuyển người bệnh đến Bệnh viện Tâm thần Nghệ An đối với các trường hợp đã có sổ theo dõi điều trị bệnh tâm thần *(chưa được quy định tại Phụ lục II Danh mục một số bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*.

- Chuyển người bệnh đến Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An; Bệnh viện 4 - Cục hậu cần Quân khu 4; Bệnh viện Nội tiết Nghệ An đối với bệnh nhân chạy thận nhân tạo chu kỳ trừ các trường hợp thuộc các xã, phường sau:

+ Xã: Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Vân Tụ, Vân Du, Quang Đồng, Giai Lạc, Bình Minh, Đông Thành;

+ Xã: Diễn Châu, Đức Châu, Quảng Châu, Hải Châu, Tân Phú, An Châu, Minh Châu, Hùng Châu;

+ Phường: Thái Hoà, Tây Hiếu, Xã Đông Hiếu;

+ Xã: Kim Liên, Vạn An, Nam Đàn, Đại Huệ, Thiên Nhẫn;

+ Xã: Con Cuông, Môn Sơn, Mậu Thạch, Cam Phục, Châu Khê; Bình Chuẩn;

+ Xã: Nghi Lộc, Phúc Lộc, Đông Lộc, Trung Lộc, Thần Lĩnh, Hải Lộc, Văn Kiều;

+ Xã: Quỳnh Lưu, Quỳnh Văn, Quỳnh Anh, Quỳnh Tam, Quỳnh Phú, Quỳnh Sơn, Quỳnh Thắng;

+ Phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò.

- Chuyển người bệnh đến Bệnh viện Ung bướu Nghệ An đối với trường hợp bệnh nhân đã được chẩn đoán xác định ung thư *(chưa được quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Danh mục một số bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu, cấp cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*.

- Chuyển người bệnh đến Bệnh viện Phổi Nghệ An đối với trường hợp bệnh nhân nghi mắc bệnh lao và lao tiềm ẩn *(chưa được quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Danh mục một số bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu, cấp cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*.

2.2. Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập:

-Tiếp nhận bệnh nhân khám và điều trị chuyên khoa da liễu chuyển đến từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu *(đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện)*.

- Tiếp nhận bệnh nhân chuyển đến từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu *(đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện) trên địa bàn phường: Quỳnh Lưu, Quỳnh Văn, Quỳnh Anh, Quỳnh Tam, Quỳnh Phú, Quỳnh Thắng, Hoàng Mai, Quỳnh Mai, Tân Mai.*

2.3. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu *(Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh)*.

- Tiếp nhận bệnh nhân chuyển đến từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản *(Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện)*.

- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu được chuyển người bệnh đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyển sâu, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng *(trước ngày 01/01/2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến trung ương)* theo quy định.

2.4. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xếp cấp cơ bản *(Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện)*

- Tiếp nhận bệnh nhân có thẻ bảo hiểm y tế đến khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

- Khi vượt quá khả năng chuyên môn, kỹ thuật chuyển người bệnh đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu *(cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh)* trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2.5. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu *(Trạm y tế xã, Phòng khám đa khoa khu vực, Phòng khám đa khoa)*

Khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế theo quy định. Khi vượt quá khả năng chuyên môn, kỹ thuật chuyển người bệnh đến các cơ sở khám bệnh chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu *(đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện)*.

III. KÝ HỢP ĐỒNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ:

1. Cơ quan BHXH trực tiếp ký Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu và cấp ban đầu (các Phòng khám đa khoa).

2. Các Bệnh viện, Trung tâm Y tế được giao là đại diện ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội cho các trạm y tế xã, phường thuộc địa bàn quản lý theo Quyết định số 4388/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Công văn số 3708/SYT-NVY ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Sở Y tế về việc Hướng dẫn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển người bệnh giữa các cơ sở KCB BHYT trên địa bàn tỉnh Nghệ An sau khi tổ chức chính quyền hai cấp và Công văn số 3929/SYT-NVY ngày 12/9/2025 của Sở Y tế về việc bổ sung một số nội dung hướng dẫn tại công văn số 3708/SYT-NVY ngày 26/8/2025.

2. Giao Trung tâm y tế thuộc Sở Y tế chỉ đạo, hướng dẫn các Trạm Y tế xã, phường, tham mưu Uỷ ban nhân dân xã, phường trên địa bàn thông báo rộng rãi các nội dung quy định tại Hướng dẫn.

3. Cơ quan Bảo hiểm xã hội, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An căn cứ Hướng dẫn này để ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2026; thực hiện đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu, chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo đúng quy định *(Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi, bổ sung, Sở Y tế sẽ có thông báo điều chỉnh)*.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Y tế *(Phòng Nghiệp vụ Y)* để được xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- BHXH Việt Nam (để báo cáo);
- UBND tỉnh;
- Sở Y tế và BHXH thành phố Hà Nội;
- Giám đốc: Sở Y tế, BHXH tỉnh Nghệ An;
- Các cơ sở KCB BHYT trong tỉnh;
- Các BHXH xã hội cơ sở;
- Các UBND xã, phường;
- Các Phòng nghiệp vụ Sở Y tế Nghệ An;
- Các Phòng nghiệp vụ BHXH tỉnh Nghệ An;
- Trang Website: Sở Y tế, BHXH tỉnh;
- Lưu: VT Sở Y tế.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH NGHỆ AN

Nguyễn Hữu Lê

Phụ lục 1: Danh sách các cơ sở đăng ký KCB BHYT ban đầu

(Ban hành kèm theo Công văn số 101 /SYT - NVY ngày 10 /01 /2026 của Sở Y tế)

TT	Đơn vị	Địa Chỉ	Cấp chuyên môn		Mã KCB
			Xếp cấp	Điểm	
I	**Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xếp cấp cơ bản** ***(trước 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tuyến Trung ương)***				
1	BV Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	39	40042
II	**Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, chuyên sâu** ***(trước 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh)***				
1	Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An	Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Chuyên sâu	78	40001
2	Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	52	40021
3	Bệnh viện Quân Y4/Quân Khu 4	Phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	65	40026
III	**Các cơ sở khám, chữa bệnh cấp cơ bản** ***(trước 01/01/2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện)***				
1	Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh	Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	38	40019
2	Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh cơ sở 2	Phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	32	40027
3	Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh cơ sở 3	Phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	19	40020
4	Bệnh viện Đa khoa Nghi Lộc	Xã Đông Lộc, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	28	40009
5	Bệnh viện Đa khoa Diễn Châu	Xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	29	40007
6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Bắc	Phường Tây Hiếu, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	38	40011
7	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam	Xã Con Cuông, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	31	40013
8	Bệnh viện Đa khoa Thanh Chương	Xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	32	40004
9	Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Lưu	Xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	30	40008
10	Bệnh viện Đa khoa Đô Lương	Xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	29	40005
11	Bệnh viện Đa khoa Yên Thành	Xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	30	40006
12	Trung tâm Y tế Kỳ Sơn	Xã Mường Xén, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	17	40015

TT	Đơn vị	Địa Chỉ	Cấp chuyên môn		Mã KCB
			Xếp cấp	Điểm	
13	Trung tâm Y tế Tương Dương	Xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	17	40014
14	Trung tâm Y tế Anh Sơn	Xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	17	40010
15	Trung tâm Y tế Nam Đàn	Xã Vạn An, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	31	40003
16	Trung tâm Y tế Hưng Nguyên	Xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	19	40002
17	Trung tâm Y tế Tân Kỳ	Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	31	40012
18	Trung tâm Y tế Quỳ Hợp	Xã Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	19	40016
19	Trung tâm Y tế Quỳ Châu	Xã Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	17	40017
20	Trung tâm Y tế Quế Phong	Xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	19	40018
21	Trung tâm Y tế Hoàng Mai	Phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	19	40572
22	Trung tâm Y tế Nghĩa Đàn	Xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	28	40567
23	Bệnh viện Công an Nghệ An	Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	15	40547
24	Bệnh viện Trường đại học Y khoa Vinh	Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	45	40550
25	Bệnh viện Đa khoa Thái An	Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	27	40543
26	Bệnh viện Đa khoa 115	Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	30	40542
27	Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông	Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	35	40544
28	Bệnh viện Đa khoa Đông Âu	Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	24	40552
29	Bệnh viện Đa khoa Minh An	Xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	19	40576
30	Bệnh viện Đa khoa Phủ Diễn	Xã Hùng Châu, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	19	40545
31	Bệnh viện Đa khoa TTH Vinh	Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	29	40549
32	Bệnh viện Quốc tế Vinh	Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	20	40574
33	Bệnh viện Đa khoa Quang Khởi	Phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	21	40573

TT	Đơn vị	Địa Chỉ	Cấp chuyên môn		Mã KCB
			Xếp cấp	Điểm	
34	Bệnh viện Đa khoa An Phát	Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	21	40580
35	Bệnh viện Đa khoa Bảo Sơn	Xã Hợp Minh, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	17	40584
36	Bệnh viện Đa khoa Quang Thành	Xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	30	40577
37	Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An - Giai đoạn 2	Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	Xếp cấp tạm thời	40611
38	Bệnh xá Quân dân Y- Đoàn KT Quốc phòng 4	Xã Na Ngoi, tỉnh Nghệ An	Cơ bản		40568
IV	**Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu: 480 đơn vị** *(Trạm y tế xã, phường, đơn vị: 456 đơn vị và 24 Phòng khám đa khoa)*				
1	Phòng khám Đa khoa tư nhân Yên Lý	Xã Hùng Châu, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40578
2	Phòng khám Đa khoa tư nhân Tân Thanh	Xã Vạn An, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40579
3	Phòng khám Đa khoa tư nhân 247	Xã Hợp Minh, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40582
4	Phòng khám Đa khoa tư nhân Đồng Thành	Xã Quảng Châu, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40583
5	Phòng khám Đa khoa tư nhân Phú Hậu	Xã Quảng Châu, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40585
6	Phòng khám Đa khoa tư nhân Tân Hà	Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40587
7	Phòng khám Đa khoa tư nhân Bắc Diễn Châu	Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40588
8	Phòng khám Đa khoa tư nhân An Phước	Xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40589
9	Phòng khám Đa khoa tư nhân Cường Phát	Xã Văn Hiến, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40590
10	Phòng khám Đa khoa tư nhân Anh Thái	Xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40591
11	Phòng khám Đa khoa tư nhân Quang Minh	Xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40593
12	Phòng khám Đa khoa tư nhân Đông Hiếu	Xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40594
13	Phòng khám Đa khoa tư nhân Thiên Phước	Xã Phúc Lộc, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40595

TT	Đơn vị	Địa Chỉ	Cấp chuyên môn		Mã KCB
			Xếp cấp	Điểm	
14	Phòng khám Đa khoa Trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng Nghệ An	Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40596
15	Phòng khám Đa khoa Minh Ngọc	Xã Vân Tụ, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40598
16	Phòng khám Đa khoa 115 Sông Lam	Xã Hưng Nguyên Nam, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40599
17	Phòng khám Đa khoa Quang Trung	Xã Quỳnh Tam, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40601
18	Phòng khám Đa khoa Tân Thanh VSip	Xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40600
19	Phòng khám Đa khoa Hòa Bình	Xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40605
20	Phòng khám Đa khoa Tuệ An	Xã Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40606
21	Phòng khám bệnh Đa khoa tư nhân Toà Giám Mục Xã Đoài	Xã Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40564
22	Phòng khám Đa khoa Hà Nội - Quỳ Châu thuộc Công ty Cổ phần khám chữa bệnh Đoàn kết II	Xã Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40604
23	Phòng khám Đa khoa Tâm Ngọc thuộc Công ty TNHH Y Dược Tâm Ngọc	Xã Yên Xuân, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40612
24	Phòng khám Đa khoa Tân Thanh trực thuộc Công ty Cổ phần tổng hợp Hà An	Xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An	Ban đầu		40613

SỞ Y TẾ

Phụ lục 2: Danh sách các cơ sở không đăng ký KCB BHYT ban đầu

(Ban hành kèm theo Công văn số 101 /SYT-NVY ngày 10 / 01 /2026 của Sở Y tế)

TT	Đơn vị KCB	Địa chỉ	Xếp cấp chuyên môn		Mã KCB
			Xếp cấp	Điểm	
I	**Các cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh xếp cấp cơ bản, chuyên sâu** ***(trước 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh)***				
1	Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An	Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Chuyên sâu	71	40149
2	Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An	Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	48	40025
3	Bệnh viện Tâm thần Nghệ An	Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	32	40036
4	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Nghệ An	Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	41	40571
5	Bệnh viện Nội tiết Nghệ An	Số 11 đường Mai Hắc Đế, Phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	45	40065
6	Bệnh viện Phổi Nghệ An	Xã Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	31	40040
7	Bệnh viện Phục hồi chức năng Nghệ An	Số 220 đường Bình Minh, Phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	30	40037
8	Bệnh viện Mắt Nghệ An	Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	52	40548
9	Trung tâm Huyết học truyền máu Nghệ An	Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	34	40575
II	**Các cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh xếp cấp cơ bản** ***(trước 01/01/2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương tuyến huyện)***				
1	Bệnh viện Mắt Sài Gòn - Vinh	Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	36	40148
2	Bệnh viện Răng Hàm Mặt Thái Thượng Hoàng	Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	29	40570
3	Bệnh viện Tai Mũi Họng Miền Trung	Số 12 đường Lê Nin, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	19	40586
4	Bệnh viện Ngoại khoa 115 Nghệ An	Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	Xếp cấp tạm thời	40607
5	Bệnh viện Y học cổ truyền Nguyên Phúc	Phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	Xếp cấp tạm thời	40609
6	Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An	Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Cơ bản	Xếp cấp tạm thời	40610

Phụ lục 3: Quy định đối tượng và số thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu

(Ban hành kèm theo công văn số 101 /SYT-NVY ngày10 / 01 /2026 của Sở Y tế)

TT	Tên cơ sở KCB	Đối tượng đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ đăng ký KCB ban đầu tối đa
1	Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An	- Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng sau thẻ BHYT cư trú trên địa bàn phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò khi các đối tượng có nhu cầu theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế, Quy định và hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật BHYT	20 000
		- Người nhiễm HIV/AIDS đang điều trị đang điều trị thuốc kháng HIV tại bệnh viện nếu người bệnh có nhu cầu.	
		- Cán bộ, công nhân viên của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An.	
2	Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng có thẻ BHYT cư trú trên địa bàn phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò khi các đối tượng có nhu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế, Quy định và hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật BHYT.	100 000
3	Bệnh viện Quân Y 4	Thực hiện đăng ký khám chữa bệnh bảo hiểm y tế (KCB BHYT) ban đầu cho người có thẻ BHYT cư trú trên địa bàn các phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò khi có nhu cầu, theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế quy định và hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. *(Đối với các trường hợp đã đăng ký KCB BHYT ban đầu tại Bệnh viện trước ngày 31/12/2025 nhưng không cư trú trên địa bàn các phường nêu trên thì tiếp tục được KCB BHYT ban đầu tại Bệnh viện).*	20 000
4	BV Phong - Da liễu TW Quỳnh Lập	- Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng sau đây có thẻ BHYT cư trú trên địa bàn phường: Hoàng Mai, Quỳnh Mai, Tân Mai khi đối tượng có nhu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-	25 000

TT	Tên cơ sở KCB	Đối tượng đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ đăng ký KCB ban đầu tối đa
		BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế, Quy định và hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật BHYT	
5	Bệnh viện Công an tỉnh Nghệ An	Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho: Cán bộ công an nghỉ hưu; Thân nhân sỹ quan, hạ sỹ quan nghiệp vụ và hạ sỹ quan chuyên môn, kỹ thuật đang công tác trong lực lượng công an nhân dân phục vụ có thời hạn cư trú trên địa bàn phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò khi đối tượng có nhu cầu.	10 000
6	Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh	Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò và đối tượng BHYT thuộc ngành Giao thông vận tải quản lý khi đối tượng có nhu cầu.	100 000
7	Bệnh viện Đa khoa công lập	Đăng ký KCB ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường, xã khi đối tượng có nhu cầu.	40 000
8	Trung tâm y tế có chức năng KCB	Đăng ký KCB ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường, xã khi đối tượng có nhu cầu.	50 000
9	Các Bệnh viện Đa khoa ngoài công lập	Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường, xã khi đối tượng có yêu cầu.	30 000
10	Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông	Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò khi đối tượng có yêu cầu.	60 000
11	Các Phòng khám Đa khoa ngoài công lập.	Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường, xã khi đối tượng có nhu cầu.	5 000
12	Trạm Y tế xã, phường; Trạm Y tế cơ quan đơn vị, trường học	Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường, xã và đối tượng thuộc cơ quan, đơn vị, trường học khi đối tượng có yêu cầu.	

SỞ Y TẾ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH NGHỆ AN

Phụ lục 4: Danh sách các Trạm tế xã, phường đăng ký KCB BHYT ban đầu

(Ban hành kèm theo Công văn số 101 /SYT - NVY ngày10 / 01 /2026 của Sở Y tế)

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
1	Trạm y tế phường Trung Đô	40081	Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
2	Trạm y tế phường Vinh Tân	40086	
3	Trạm y tế phường Hưng Dũng	40073	
4	Trạm y tế phường Trường Thi	40078	
5	Trạm y tế phường Bến Thủy	40079	
6	Trạm y tế xã Hưng Hòa	40085	
7	Trạm y tế phường Hưng Phúc	40088	
8	Trạm y tế phường Hưng Bình	40072	Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
9	Trạm y tế phường Cửa Nam	40074	
10	Trạm y tế phường Quang Trung	40075	
11	Trạm y tế xã Hưng Chính	40519	
12	Trạm y tế phường Lê Lợi	40071	
13	Trạm y tế phường Đông Vĩnh	40069	
14	Trạm y tế xã Hưng Đông	40083	Phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An
15	Trạm y tế phường Quán Bàu	40087	
16	Trạm y tế xã Nghi Liên	40064	
17	Trạm y tế xã Nghi Kim	40488	
18	Trạm y tế xã Nghi Phú	40082	Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An
19	Trạm y tế xã Nghi Đức	40489	
20	Trạm y tế phường Hà Huy Tập	40070	
21	Trạm y tế xã Nghi Ân	40486	
22	Trạm y tế xã Hưng Lộc	40084	Phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An
23	Trạm y tế xã Phúc Thọ	40487	
24	Trạm y tế xã Nghi Thái	40490	
25	Trạm y tế xã Nghi Phong	40483	
26	Trạm y tế xã Nghi Xuân	40484	
27	Trạm y tế phường Nghi Thủy	40089	Phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An
28	Trạm y tế phường Nghi Tân	40090	
29	Trạm y tế phường Thu Thủy	40091	
30	Trạm y tế phường Nghi Hoà	40092	
31	Trạm y tế phường Nghi Hải	40093	

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
32	Trạm y tế Phường Nghi Hương	40094	
33	Trạm y tế Phường Nghi Thu	40095	
34	Trạm y tế Thị trấn Hưng Nguyên	40515	Xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
35	Trạm y tế xã Hưng Tây	40518	
36	Trạm y tế xã Hưng Đạo	40520	
37	Trạm y tế xã Hưng Mỹ	40521	
38	Trạm y tế xã Hưng Thịnh	40522	
39	Trạm y tế xã Hưng Trung	40516	Xã Yên Trung, tỉnh Nghệ An
40	Trạm y tế xã Hưng Yên Nam	40517	
41	Trạm y tế xã Hưng Yên Bắc	40561	
42	Trạm y tế xã Hưng Lĩnh	40523	Xã Hưng Nguyên Nam, tỉnh Nghệ An
43	Trạm y tế xã Hưng Thông	40524	
44	Trạm y tế xã Hưng Tân	40525	
45	Trạm y tế xã Long Xá	40529	
46	Trạm y tế xã Xuân Lam	40533	
47	Trạm y tế xã Hưng Lợi	40526	Xã Lam Thành, tỉnh Nghệ An
48	Trạm y tế xã Hưng Nghĩa	40527	
49	Trạm y tế xã Hưng Phúc	40528	
50	Trạm y tế xã Châu Nhân	40534	
51	Trạm y tế xã Hưng Thành	40536	
52	Trạm y tế xã Nam Hưng	40492	Xã Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
53	Trạm y tế xã Nam Nghĩa	40493	
54	Trạm y tế xã Nam Thanh	40494	
55	Trạm y tế xã Nam Thái	40497	
56	Trạm y tế xã Nam Anh	40495	Xã Đại Huệ, tỉnh Nghệ An
57	Trạm y tế xã Nam Xuân	40496	
58	Trạm y tế xã Nam Lĩnh	40499	
59	Trạm y tế Thị trấn Nam Đàn	40491	Xã Vạn An, tỉnh Nghệ An
60	Trạm y tế xã Xuân Hòa	40501	
61	Trạm y tế xã Thượng Tân Lộc	40506	
62	Trạm y tế xã Khánh Sơn	40510	Xã Thiên Nhẫn, tỉnh Nghệ An
63	Trạm y tế xã Trung Phúc Cường	40512	
64	Trạm y tế xã Nam Kim	40514	

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
65	Trạm y tế xã Nam Giang	40500	Xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An
66	Trạm y tế xã Hùng Tiến	40502	
67	Trạm y tế xã Kim Liên	40505	
68	Trạm y tế xã Hồng Long	40507	
69	Trạm y tế xã Xuân Lâm	40508	
70	Trạm y tế xã Nam Cát	40509	
71	Trạm y tế xã Thanh Sơn	40559	Xã Sơn Lâm, tỉnh Nghệ An
72	Trạm y tế xã Ngọc Lâm	40560	
73	Trạm y tế xã Thanh Nho	40062	Xã Cát Ngạn, tỉnh Nghệ An
74	Trạm y tế xã Cát Văn	40423	
75	Trạm y tế xã Thanh Hòa	40425	
76	Trạm y tế xã Phong Thịnh	40426	
77	Trạm y tế xã Thanh Mỹ	40428	Xã Tam Đồng, tỉnh Nghệ An
78	Trạm y tế xã Thanh Tiên	40429	
79	Trạm y tế xã Thanh Liên	40431	
80	Trạm y tế xã Hạnh Lâm	40424	Xã Hạnh Lâm, tỉnh Nghệ An
81	Trạm y tế xã Thanh Đức	40457	
82	Trạm y tế xã Thanh An	40061	Xã Hoa Quân, tỉnh Nghệ An
83	Trạm y tế xã Thanh Hương	40436	
84	Trạm y tế xã Thanh Thịnh	40440	
85	Trạm y tế xã Thanh Chi	40441	
86	Trạm y tế xã Thanh Khê	40445	
87	Trạm y tế xã Võ Liệt	40446	Xã Kim Bảng, tỉnh Nghệ An
88	Trạm y tế xã Thanh Long	40447	
89	Trạm y tế xã Thanh Thủy	40448	
90	Trạm y tế xã Thanh Hà	40451	
91	Trạm y tế xã Thanh Giang	40452	Xã Bích Hào, tỉnh Nghệ An
92	Trạm y tế xã Thanh Tùng	40453	
93	Trạm y tế xã Thanh Lâm	40454	
94	Trạm y tế xã Thanh Mai	40455	
95	Trạm y tế xã Thanh Xuân	40456	
96	Trạm y tế Thị trấn Thanh Chương	40422	Xã Đại Đồng,

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
97	Trạm y tế xã Thanh Phong	40427	tỉnh Nghệ An
98	Trạm y tế xã Đại Đồng	40433	
99	Trạm y tế xã Thanh Đồng	40434	
100	Trạm y tế xã Thanh Ngọc	40435	
101	Trạm y tế xã Thanh Lĩnh	40437	
102	Trạm y tế xã Đồng Văn	40438	
103	Trạm y tế xã Ngọc Sơn	40439	Xã Xuân Lâm, tỉnh Nghệ An
104	Trạm y tế xã Xuân Tường	40442	
105	Trạm y tế xã Thanh Dương	40443	
106	Trạm y tế xã Thanh Lương	40444	
107	Trạm y tế xã Thanh Khai	40449	
108	Trạm y tế xã Thanh Yên	40450	
109	Trạm y tế Thị trấn Đô Lương	40390	Xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An
110	Trạm y tế xã Bắc Sơn	40397	
111	Trạm y tế xã Đặng Sơn	40401	
112	Trạm y tế xã Nam Sơn	40403	
113	Trạm y tế xã Lưu Sơn	40404	
114	Trạm y tế xã Yên Sơn	40405	
115	Trạm y tế xã Văn Sơn	40406	
116	Trạm y tế xã Đà Sơn	40407	
117	Trạm y tế xã Thịnh Sơn	40412	
118	Trạm y tế xã Giang Sơn Tây	40391	Xã Bạch Ngọc, tỉnh Nghệ An
119	Trạm y tế xã Lam Sơn	40392	
120	Trạm y tế xã Bồi Sơn	40393	
121	Trạm y tế xã Ngọc Sơn	40396	
122	Trạm y tế xã Giang Sơn Đông	40566	
123	Trạm y tế xã Thượng Sơn	40399	Xã Văn Hiến, tỉnh Nghệ An
124	Trạm y tế xã Hòa Sơn	40400	
125	Trạm y tế xã Tân Sơn	40409	
126	Trạm y tế xã Thái Sơn	40410	
127	Trạm y tế xã Quang Sơn	40411	
128	Trạm y tế xã Hiến Sơn	40418	Xã Bạch Hà, tỉnh Nghệ An
129	Trạm y tế xã Mỹ Sơn	40419	

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
130	Trạm y tế xã Trù Sơn	40420	
131	Trạm y tế xã Đại Sơn	40421	
132	Trạm y tế xã Lạc Sơn	40408	Xã Thuần Trung, tỉnh Nghệ An
133	Trạm y tế Xã Trung Sơn	40413	
134	Trạm y tế xã Xuân Sơn	40414	
135	Trạm y tế xã Minh Sơn	40415	
136	Trạm y tế xã Thuận Sơn	40416	
137	Trạm y tế xã Nhân Sơn	40417	
138	Trạm y tế xã Hồng Sơn	40394	Xã Lương Sơn, tỉnh Nghệ An
139	Trạm y tế xã Bài Sơn	40395	
140	Trạm y tế xã Tràng Sơn	40398	
141	Trạm y tế xã Đông Sơn	40402	
142	Trạm y tế xã Thọ Sơn	40295	Xã Thành Bình Thọ, tỉnh Nghệ An
143	Trạm y tế xã Thành Sơn	40296	
144	Trạm y tế xã Bình Sơn	40297	
145	Trạm y tế xã Tam Sơn	40298	Xã Nhân Hoà, tỉnh Nghệ An
146	Trạm y tế xã Đỉnh Sơn	40299	
147	Trạm y tế xã Hùng Sơn	40300	
148	Trạm y tế xã Cẩm Sơn	40301	
149	Trạm y tế xã Tường Sơn	40303	Xã Vĩnh Tường, tỉnh Nghệ An
150	Trạm y tế xã Hội Sơn	40307	
151	Trạm y tế xã Hoa sơn	40556	
152	Trạm y tế Thị trấn Anh Sơn	40294	Xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
153	Trạm y tế xã Đức Sơn	40302	
154	Trạm y tế xã Thạch Sơn	40308	
155	Trạm y tế xã Phúc Sơn	40309	
156	Trạm y tế xã Tào Sơn	40304	Xã Anh Sơn Đông, tỉnh Nghệ An
157	Trạm y tế xã Vĩnh Sơn	40305	
158	Trạm y tế xã Lạng Sơn	40306	
159	Trạm y tế xã Long Sơn	40310	Xã Yên Xuân, tỉnh Nghệ An
160	Trạm y tế xã Khai Sơn	40311	
161	Trạm y tế xã Lĩnh Sơn	40312	
162	Trạm y tế xã Cao Sơn	40313	
163	Trạm y tế xã Chi Khê	40267	Xã Con Cuông,

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
164	Trạm y tế xã Bông Khê	40268	tỉnh Nghệ An
165	Trạm y tế xã Yên Khê	40269	
166	Trạm y tế xã Lạng Khê	40261	Xã Châu Khê, tỉnh Nghệ An
167	Trạm y tế xã Châu Khê	40266	
168	Trạm y tế xã Thạch Ngàn	40263	Xã Mậu Thạch, tỉnh Nghệ An
169	Trạm y tế xã Mậu Đức	40265	
170	Trạm y tế xã Lục Dạ	40270	Xã Môn Sơn, tỉnh Nghệ An
171	Trạm y tế xã Môn Sơn	40271	
172	Trạm y tế xã Cam Lâm	40262	Xã Cam Phục, tỉnh Nghệ An
173	Trạm y tế xã Đôn Phục	40264	
174	Trạm y tế xã Bình Chuẩn	40260	Xã Bình Chuẩn, tỉnh Nghệ An
175	Trạm y tế Thị trấn Thạch Giám	40143	Xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An
176	Trạm y tế xã Lưu Kiền	40156	
177	Trạm y tế xã Xá Lượng	40158	
178	Trạm y tế xã Tam Đình	40160	Xã Tam Quang, tỉnh Nghệ An
179	Trạm y tế xã Tam Quang	40162	
180	Trạm y tế xã Tam Thái	40159	Xã Tam Thái, tỉnh Nghệ An
181	Trạm y tế xã Tam Hợp	40163	
182	Trạm y tế xã Mai Sơn	40144	Xã Nhôn Mai, tỉnh Nghệ An
183	Trạm y tế xã Nhôn Mai	40145	
184	Trạm y tế xã Yên Hòa	40154	Xã Yên Hoà, tỉnh Nghệ An
185	Trạm y tế xã Yên Thắng	40161	
186	Trạm y tế xã Yên Tĩnh	40151	Xã Yên Na, tỉnh Nghệ An
187	Trạm y tế xã Yên Na	40155	
188	Trạm y tế xã Nga My	40152	Xã Nga My, tỉnh Nghệ An
189	Trạm y tế xã Xiêng My	40553	
190	Trạm y tế xã Lượng Minh	40153	Xã Lượng Minh, tỉnh Nghệ An
191	Trạm y tế xã Hữu Khuông	40146	Xã Hữu Khuông, tỉnh Nghệ An
192	Trạm y tế Thị trấn Mường Xén	40122	Xã Mường Xén,

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
193	Trạm y tế xã Tà Cạ	40135	tỉnh Nghệ An
194	Trạm y tế xã Tây Sơn	40139	
195	Trạm y tế xã Bảo Nam	40131	Xã Hữu Kiệm, tỉnh Nghệ An
196	Trạm y tế xã Hữu Lập	40134	
197	Trạm y tế xã Hữu Kiệm	40138	
198	Trạm y tế xã Bảo Thắng	40133	Xã Chiêu Lưu, tỉnh Nghệ An
199	Trạm y tế xã Chiêu Lưu	40136	
200	Trạm y tế xã Na Ngoi	40141	Xã Na Ngoi, tỉnh Nghệ An
201	Trạm y tế xã Nậm Càn	40142	
202	Trạm y tế xã Mường Típ	40137	Xã Mường Típ, tỉnh Nghệ An
203	Trạm y tế xã Mường ải	40140	
204	Trạm y tế xã Nậm Cắn	40130	Xã Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An
205	Trạm y tế xã Phà Đánh	40132	
206	Trạm y tế xã Đoọc Mạy	40126	Xã Na Loi, tỉnh Nghệ An
207	Trạm y tế xã Na Loi	40129	
208	Trạm y tế xã Bắc Lý	40124	Xã Bắc Lý, tỉnh Nghệ An
209	Trạm y tế xã Mỹ Lý	40123	Xã Mỹ Lý, tỉnh Nghệ An
210	Trạm y tế xã Keng Đu	40125	Xã Keng Đu, tỉnh Nghệ An
211	Trạm y tế xã Huồi Tụ	40127	Xã Huồi Tụ, tỉnh Nghệ An
212	Trạm y tế xã Mường Lống	40128	Xã Mường Lống, tỉnh Nghệ An
213	Trạm y tế Thị trấn Kim Sơn	40096	Xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An
214	Trạm y tế xã Nậm Giải	40101	
215	Trạm y tế xã Châu Kim	40103	
216	Trạm y tế xã Mường Nọc	40104	
217	Trạm y tế xã Thông Thụ	40097	Xã Thông Thụ, tỉnh Nghệ An
218	Trạm y tế xã Đồng Văn	40098	
219	Trạm y tế xã Hạnh Dịch	40099	Xã Tiền Phong, tỉnh Nghệ An
220	Trạm y tế xã Tiền Phong	40100	
221	Trạm y tế xã Tri Lễ	40102	Xã Tri Lễ, tỉnh Nghệ An
222	Trạm y tế xã Nậm Nhoóng	40106	

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
223	Trạm y tế xã Châu Thôn	40105	Xã Mường Quàng, Tỉnh Nghệ An
224	Trạm y tế xã Quang Phong	40107	
225	Trạm y tế xã Căm Muộn	40108	
226	Trạm y tế Thị trấn Tân Lạc	40110	Xã Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An
227	Trạm y tế xã Châu Hội	40113	
228	Trạm y tế xã Châu Nga	40114	
229	Trạm y tế xã Châu Hạnh	40116	
230	Trạm y tế xã Châu Phong	40118	Xã Hùng Chân, tỉnh Nghệ An
231	Trạm y tế xã Châu Hoàn	40120	
232	Trạm y tế xã Diên Lãm	40121	
233	Trạm y tế xã Châu Bính	40111	Xã Châu Tiến, tỉnh Nghệ An
234	Trạm y tế xã Châu Thuận	40112	
235	Trạm y tế xã Châu Tiến	40115	
236	Trạm y tế xã Châu Thắng	40117	
237	Trạm y tế xã Châu Bình	40119	Xã Châu Bình, tỉnh Nghệ An
238	Trạm y tế Thị trấn Quỳ Hợp	40196	Xã Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An
239	Trạm y tế xã Châu Quang	40206	
240	Trạm y tế xã Thọ Hợp	40207	
241	Trạm y tế xã Châu Đình	40211	
242	Trạm y tế xã Nam Sơn	40213	Xã Mường Chọng, tỉnh Nghệ An
243	Trạm y tế xã Châu Lý	40214	
244	Trạm y tế xã Bắc Sơn	40216	
245	Trạm y tế xã Liên Hợp	40202	Xã Châu Lộc, tỉnh Nghệ An
246	Trạm y tế xã Châu Lộc	40203	
247	Trạm y tế xã Yên Hợp	40197	Xã Tam Hợp, tỉnh Nghệ An
248	Trạm y tế xã Đồng Hợp	40200	
249	Trạm y tế xã Tam Hợp	40204	
250	Trạm y tế xã Nghĩa Xuân	40209	
251	Trạm y tế xã Minh Hợp	40208	Xã Minh Hợp, tỉnh Nghệ An
252	Trạm y tế xã Văn Lợi	40212	

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
253	Trạm y tế xã Hạ Sơn	40215	
254	Trạm y tế xã Châu Cường	40205	Xã Mường Ham, tỉnh Nghệ An
255	Trạm y tế xã Châu Thái	40210	
256	Trạm y tế xã Châu Tiến	40198	Xã Châu Hồng, tỉnh Nghệ An
257	Trạm y tế xã Châu Hồng	40199	
258	Trạm y tế xã Châu Thành	40201	
259	Trạm y tế phường Hoà Hiếu	40164	Phường Thái Hoà, tỉnh Nghệ An
260	Trạm y tế phường Quang Phong	40554	
261	Trạm y tế phường Long Sơn	40555	
262	Trạm y tế phường Quang Tiến	40182	Phường Tây Hiếu, tỉnh Nghệ An
263	Trạm y tế xã Nghĩa Tiến	40186	
264	Trạm y tế xã Tây Hiếu	40188	
265	Trạm y tế xã Nghĩa Mỹ	40187	Xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An
266	Trạm y tế xã Nghĩa Thuận	40189	
267	Trạm y tế xã Đông Hiếu	40190	
268	Trạm y tế Thị trấn Tân Kỳ	40272	Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
269	Trạm y tế xã Nghĩa Dũng	40286	
270	Trạm y tế xã Kỳ Sơn	40288	
271	Trạm y tế xã Kỳ Tân	40290	
272	Trạm y tế xã Tân Phú	40274	Xã Tân Phú, tỉnh Nghệ An
273	Trạm y tế xã Tân Xuân	40275	
274	Trạm y tế xã Nghĩa Thái	40280	
275	Trạm y tế xã Nghĩa Hoàn	40282	
276	Trạm y tế xã Tân Long	40287	
277	Trạm y tế xã Nghĩa Phúc	40283	Xã Tân An, tỉnh Nghệ An
278	Trạm y tế xã Tân An	40285	
279	Trạm y tế xã Hương Sơn	40289	
280	Trạm y tế xã Nghĩa Bình	40277	Xã Nghĩa Đồng, tỉnh Nghệ An
281	Trạm y tế xã Nghĩa Đồng	40278	
282	Trạm y tế xã Nghĩa Hợp	40281	
283	Trạm y tế xã Tân Hợp	40273	Xã Giai Xuân, tỉnh Nghệ An
284	Trạm y tế xã Giai Xuân	40276	
285	Trạm y tế xã Phú Sơn	40291	Xã Nghĩa Hành, tỉnh Nghệ An
286	Trạm y tế xã Nghĩa Hành	40292	

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
287	Trạm y tế xã Tân Hương	40293	
288	Trạm y tế xã Đồng Văn	40279	Xã Tiên Đồng, tỉnh Nghệ An
289	Trạm y tế xã Tiên Kỳ	40284	
290	Trạm y tế xã Quỳnh Vinh	40219	Phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
291	Trạm y tế phường Quỳnh Thiện	40221	
292	Trạm y tế xã Quỳnh Trang	40223	
293	Trạm y tế xã Quỳnh Lộc	40220	Phường Tân Mai, tỉnh Nghệ An
294	Trạm y tế xã Quỳnh Lập	40222	
295	Trạm y tế phường Quỳnh Dị	40227	
296	Trạm y tế phường Mai Hùng	40226	Phường Quỳnh Mai, tỉnh Nghệ An
297	Trạm y tế phường Quỳnh Xuân	40228	
298	Trạm y tế phường Quỳnh Phương	40229	
299	Trạm y tế xã Quỳnh Liên	40230	
300	Trạm y tế xã Quỳnh Ngọc	40063	Xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
301	Trạm y tế xã Quỳnh Bá	40246	
302	Trạm y tế xã Quỳnh Diễn	40248	
303	Trạm y tế xã Quỳnh Giang	40250	
304	Trạm y tế Thị trấn Cầu Giát	40217	
305	Trạm y tế xã Quỳnh Hậu	40240	
306	Trạm y tế xã Quỳnh Hồng	40244	
307	Trạm y tế xã Quỳnh Hưng	40249	
308	Trạm y tế xã Quỳnh Tân	40224	Xã Quỳnh Văn, tỉnh Nghệ An
309	Trạm y tế xã Quỳnh Văn	40232	
310	Trạm y tế xã Quỳnh Thạch	40236	
311	Trạm y tế xã Quỳnh Bảng	40237	Xã Quỳnh Anh, tỉnh Nghệ An
312	Trạm y tế xã Quỳnh Đôi	40242	
313	Trạm y tế xã Quỳnh Lương	40243	
314	Trạm y tế xã Quỳnh Yên	40245	
315	Trạm y tế xã Quỳnh Minh	40247	
316	Trạm y tế xã Quỳnh Thanh	40239	
317	Trạm y tế xã Quỳnh Châu	40225	Xã Quỳnh Tam, tỉnh Nghệ An
318	Trạm y tế xã Tân Sơn	40231	
319	Trạm y tế xã Quỳnh Tam	40234	

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
320	Trạm y tế xã Quỳnh Thuận	40256	Xã Quỳnh Phú, tỉnh Nghệ An
321	Trạm y tế xã An Hòa	40252	
322	Trạm y tế xã Sơn Hải	40254	
323	Trạm y tế xã Quỳnh Long	40257	
324	Trạm y tế xã Quỳnh Nghĩa	40251	
325	Trạm y tế xã Tiến Thủy	40253	
326	Trạm y tế xã Quỳnh Thọ	40255	
327	Trạm y tế xã Quỳnh Hoa	40235	Xã Quỳnh Sơn, tỉnh Nghệ An
328	Trạm y tế xã Quỳnh Mỹ	40238	
329	Trạm y tế xã Ngọc Sơn	40233	
330	Trạm y tế xã Quỳnh Lâm	40241	
331	Trạm y tế xã Quỳnh Thắng	40218	Xã Quỳnh Thắng, tỉnh Nghệ An
332	Trạm y tế xã Tân Thắng	40258	
333	Trạm y tế Thị trấn Yên Thành	40353	Xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An
334	Trạm y tế xã Hoa Thành	40368	
335	Trạm y tế xã Tăng Thành	40369	
336	Trạm y tế xã Văn Thành	40370	
337	Trạm y tế xã Hợp Thành	40372	
338	Trạm y tế xã Nhân Thành	40375	
339	Trạm y tế xã Xuân Thành	40373	Xã Quan Thành, tỉnh Nghệ An
340	Trạm y tế xã Bắc Thành	40374	
341	Trạm y tế xã Trung Thành	40376	
342	Trạm y tế xã Nam Thành	40379	
343	Trạm y tế xã Lý Thành	40381	Xã Vân Tụ, tỉnh Nghệ An
344	Trạm y tế xã Liên Thành	40385	
345	Trạm y tế xã Khánh Thành	40382	
346	Trạm y tế xã Mỹ Thành	40387	
347	Trạm y tế xã Công Thành	40388	
348	Trạm y tế xã Tây Thành	40363	Xã Vân Du, tỉnh Nghệ An
349	Trạm y tế xã Thịnh Thành	40371	
350	Trạm y tế xã Minh Thành	40378	

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
351	Trạm y tế xã Đại Thành	40384	
352	Trạm y tế xã Kim Thành	40358	Xã Quang Đồng, tỉnh Nghệ An
353	Trạm y tế xã Quang Thành	40362	
354	Trạm y tế xã Đồng Thành	40366	
355	Trạm y tế xã Hùng Thành	40557	Xã Giai Lạc, tỉnh Nghệ An
356	Trạm y tế xã Lăng Thành	40355	
357	Trạm y tế xã Hậu Thành	40359	
358	Trạm y tế xã Phúc Thành	40364	
359	Trạm y tế xã Mã Thành	40354	Xã Bình Minh, tỉnh Nghệ An
360	Trạm y tế xã Tiến Thành	40558	
361	Trạm y tế xã Tân Thành	40356	
362	Trạm y tế xã Đức Thành	40357	
363	Trạm y tế xã Thọ Thành	40361	Xã Đông Thành, tỉnh Nghệ An
364	Trạm y tế xã Hồng Thành	40365	
365	Trạm y tế xã Phú Thành	40367	
366	Trạm y tế xã Đô Thành	40360	
367	Trạm y tế xã Long Thành	40377	Xã Hợp Minh, tỉnh Nghệ An
368	Trạm y tế xã Vĩnh Thành	40380	
369	Trạm y tế xã Viên Thành	40383	
370	Trạm y tế xã Bảo Thành	40386	
371	Trạm y tế xã Sơn Thành	40389	
372	Trạm y tế Thị trấn Diễn Châu	40314	Xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
373	Trạm y tế xã Diễn Bích	40333	
374	Trạm y tế xã Diễn Ngọc	40335	
375	Trạm y tế xã Diễn Hoa	40338	
376	Trạm y tế xã Diễn Thành	40339	
377	Trạm y tế xã Diễn Phúc	40340	
378	Trạm y tế xã Diễn Hồng	40322	Xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An
379	Trạm y tế xã Diễn Phong	40323	
380	Trạm y tế xã Diễn Kỷ	40329	
381	Trạm y tế xã Diễn Vạn	40327	
382	Trạm y tế xã Diễn Đồng	40332	Xã Quảng Châu, tỉnh Nghệ An
383	Trạm y tế xã Diễn Tháp	40325	

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
384	Trạm y tế xã Diễn Xuân	40330	
385	Trạm y tế xã Diễn Liên	40326	
386	Trạm y tế xã Diễn Thái	40331	
387	Trạm y tế xã Diễn Hải	40324	Xã Hải Châu, tỉnh Nghệ An
388	Trạm y tế xã Diễn Kim	40328	
389	Trạm y tế xã Diễn Hoàng	40319	
390	Trạm y tế xã Diễn Hùng	40320	
391	Trạm y tế xã Diễn Mỹ	40321	
392	Trạm y tế xã Diễn Thọ	40347	Xã Tân Châu, tỉnh Nghệ An
393	Trạm y tế xã Diễn Lợi	40348	
394	Trạm y tế xã Diễn Lộc	40349	
395	Trạm y tế xã Diễn Phú	40352	
396	Trạm y tế xã Diễn Thịnh	40344	Xã An Châu, tỉnh Nghệ An
397	Trạm y tế xã Diễn Tân	40345	
398	Trạm y tế xã Diễn Trung	40350	
399	Trạm y tế xã Diễn An	40351	
400	Trạm y tế xã Diễn Hạnh	40334	Xã Minh Châu, tỉnh Nghệ An
401	Trạm y tế xã Diễn Quảng	40336	
402	Trạm y tế xã Diễn Nguyên	40337	
403	Trạm y tế xã Diễn Cát	40343	
404	Trạm y tế xã Minh Châu	40346	
405	Trạm y tế xã Diễn Lâm	40315	Xã Hùng Châu, tỉnh Nghệ An
406	Trạm y tế xã Diễn Đoài	40316	
407	Trạm y tế xã Diễn Trường	40317	
408	Trạm y tế xã Diễn Yên	40318	
409	Trạm y tế Thị trấn Quán Hành	40458	Xã Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
410	Trạm y tế xã Nghi Hoa	40474	
411	Trạm y tế xã Nghi Trung	40480	
412	Trạm y tế xã Nghi Diên	40482	
413	Trạm y tế xã Nghi Vạn	40485	
414	Trạm y tế xã Nghi Lâm	40465	Xã Phúc Lộc,

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
415	Trạm y tế xã Nghi Mỹ	40468	tỉnh Nghệ An
416	Trạm y tế xã Nghi Công Bắc	40477	
417	Trạm y tế xã Nghi Công Nam	40478	
418	Trạm y tế xã Khánh Hợp	40475	Xã Đông Lộc, tỉnh Nghệ An
419	Trạm y tế xã Nghi Thịnh	40476	
420	Trạm y tế xã Nghi Thạch	40479	
421	Trạm y tế xã Nghi Trường	40481	
422	Trạm y tế xã Nghi Quang	40466	Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An
423	Trạm y tế xã Nghi Thuận	40470	
424	Trạm y tế xã Nghi Long	40471	
425	Trạm y tế xã Nghi Xá	40472	
426	Trạm y tế xã Nghi Hưng	40462	Xã Thần Lĩnh, tỉnh Nghệ An
427	Trạm y tế xã Nghi Đồng	40463	
428	Trạm y tế xã Nghi Phương	40469	
429	Trạm y tế xã Nghi Yên	40460	Xã Hải Lộc, tỉnh Nghệ An
430	Trạm y tế xã Nghi Tiến	40461	
431	Trạm y tế xã Nghi Thiết	40464	
432	Trạm y tế xã Nghi Văn	40459	Xã Văn Kiều, tỉnh Nghệ An
433	Trạm y tế xã Nghi Kiều	40467	
434	Trạm y tế Thị Trấn Nghĩa Đàn	40581	Xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An
435	Trạm y tế xã Nghĩa Bình	40171	
436	Trạm y tế xã Nghĩa Trung	40178	
437	Trạm y tế xã Nghĩa Hội	40179	Xã Nghĩa Thọ, tỉnh Nghệ An
438	Trạm y tế xã Nghĩa Thọ	40172	
439	Trạm y tế xã Nghĩa Phú	40174	
440	Trạm y tế xã Nghĩa Lợi	40170	
441	Trạm y tế xã Nghĩa Lạc	40167	Xã Nghĩa Lâm, tỉnh Nghệ An
442	Trạm y tế xã Nghĩa Lâm	40168	
443	Trạm y tế xã Nghĩa Sơn	40169	
444	Trạm y tế xã Nghĩa Yên	40166	
445	Trạm y tế xã Nghĩa Mai	40165	Xã Nghĩa Mai, tỉnh Nghệ An
446	Trạm y tế xã Nghĩa Hồng	40176	

TT	TÊN ĐƠN VỊ KCB	MÃ	ĐỊA CHỈ
447	Trạm y tế xã Nghĩa Minh	40173	
448	Trạm y tế xã Nghĩa Thành	40180	Xã Nghĩa Hưng, tỉnh Nghệ An
449	Trạm y tế xã Nghĩa Hiếu	40183	
450	Trạm y tế xã Nghĩa Thịnh	40177	
451	Trạm y tế xã Nghĩa Hưng	40175	
452	Trạm y tế xã Nghĩa An	40192	Xã Nghĩa Khánh, tỉnh Nghệ An
453	Trạm y tế xã Nghĩa Đức	40191	
454	Trạm y tế xã Nghĩa Khánh	40195	
455	Trạm y tế xã Nghĩa Long	40193	Xã Nghĩa Lộc, tỉnh Nghệ An
456	Trạm y tế xã Nghĩa Lộc	40194	